

Phát triển công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

TS. NGUYỄN THỊ LOAN

Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

Bên cạnh các nghiệp vụ mang tính truyền thống, các ngân hàng đã không ngừng phát triển các nghiệp vụ mới, hiện đại, trong đó, phải kể đến các công cụ phái sinh tiền tệ (Currency Derivatives) như các giao dịch, hợp đồng ngoại hối kì hạn, hợp đồng ngoại hối hoán đổi, hợp đồng ngoại hối quyền chọn và hợp đồng ngoại hối tương lai. Đây là những công cụ tài chính có thể đem lại lợi nhuận rất cao cho ngân hàng thương mại (NHTM), nhưng nó cũng chứa đầy những rủi ro, vì khi tham gia hoạt động kinh doanh tiền tệ này, ngân hàng sẽ tạo ra trạng thái ngoại tệ mở và dẫn đến rủi ro tỷ giá cho ngân hàng. Vì vậy, mặc dù trên các thị trường ngoại hối quốc tế, các công cụ này đã được triển khai và phát triển, nhưng tại Việt Nam, số lượng NHTM thực hiện công cụ tài chính phái sinh tiền tệ còn rất khiêm tốn và với tỷ trọng còn rất thấp.

Trên cơ sở thu thập thông tin từ các báo cáo của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), báo cáo thường niên của các NHTM, phỏng vấn ngân hàng và các công trình nghiên cứu có liên quan, bài viết trình bày một phần thực tế về triển khai công cụ tài chính phái sinh tiền tệ

tại các NHTM Việt Nam, từ đó đề xuất một số ý kiến góp phần nâng cao khả năng phát triển công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại các NHTM Việt Nam.

1. Thực tế về sự phát triển các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại các NHTM Việt Nam



Thứ nhất, cơ sở pháp lý liên quan đến sự phát triển các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại Việt Nam

Trên cơ sở Luật Các TCTD, Pháp lệnh Ngoại hối, NHNN đã ban hành các quy định làm nền tảng cho triển khai các công cụ tài chính phái sinh, tỷ giá giao dịch và quy định nhằm ngăn ngừa, hạn chế rủi ro đối với các ngân hàng thông qua yêu cầu về trạng thái ngoại hối.

Từ năm 1999, NHNN Việt Nam đã ban hành quy định tạo điều kiện cho sự ra đời của công cụ tài chính phái sinh tại Việt Nam theo Quyết định số 65/1999/QĐ-NHNN7 ngày 25/2/1999 về Giao dịch kỳ hạn. Theo đó, các giao dịch kỳ hạn được thực hiện trong hợp đồng mua bán USD và VND giữa NHTM với doanh nghiệp (DN) xuất nhập khẩu hoặc với các NHTM khác được phép của NHNN.

Giao dịch hoán đổi đã có cơ sở pháp lý từ những năm 90, cụ thể là Quyết định số 430/QĐ-NHNN13 ngày 24/12/1997, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 893/2001/QĐ-NHNN ngày 17/7/2001. Tiếp đến là Quyết định số 1133/QĐ-NHNN ngày 30/09/2003 về quy chế thực hiện giao dịch hoán đổi lãi suất cho phép mở rộng danh mục các NHTM và các TCTD, các DN được sử dụng công cụ hoán đổi lãi suất. Hoán đổi lãi suất được thực hiện đối với cả VND và ngoại tệ giữa các ngân hàng với DN vay vốn tại NH; giữa NH với những

DN vay vốn tại các tổ chức tín dụng (TCTD) khác, kể cả vay vốn nước ngoài; giữa các NH trong nước với nhau và giữa các NHTM trong nước với các TCTD nước ngoài.

Giao dịch quyền chọn tiền tệ được thực hiện theo Quyết định số 1452/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN, chỉ bao gồm giao dịch giữa các ngoại tệ (không liên quan đến VND). Đối tượng được tham gia giao dịch hối đoái bao gồm TCTD được phép, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, cá nhân và NHNN Việt Nam. TCTD được duy trì tổng giá trị hợp đồng quyền chọn không có giao dịch đối ứng tối đa là 10% so với vốn tự có. Cũng trong Quyết định này, các TCTD không được mua quyền chọn của tổ chức kinh tế, tổ chức khác và cá nhân mà họ chỉ được phép bán quyền chọn cho các đối tượng này mà thôi.

Về tỷ giá giao dịch, Quyết định số 648/2004 do Thống đốc NHNN ban hành ngày 28/5/2004 quy định kì hạn của giao dịch kỳ hạn (Forward) và giao dịch hoán đổi (Swap) có thời hạn từ 3 ngày đến 365 ngày với tỷ giá kì hạn được xác định trên cơ sở: (i) Tỷ giá giao ngay của ngày kí hợp đồng kì hạn, hoán đổi; (ii) chênh lệch giữa 2 mức lãi suất hiện hành là lãi suất cơ bản của VND (tính theo năm) do NHNN công bố và lãi suất mục tiêu do Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) công bố; và (iii) kì hạn của hợp đồng.

Quy định về cách thức tính tỷ

giá kì hạn này đã tiên gần với thông lệ quốc tế và là tiền đề pháp lý quan trọng cho sự phát triển của thị trường ngoại hối Việt Nam nói chung và giao dịch ngoại hối kì hạn nói riêng.

Các giao dịch mua bán ngoại tệ của NHTM làm chuyển giao quyền sở hữu về ngoại tệ, từ đó, làm phát sinh trạng thái ngoại tệ trường (dương) hoặc đoán (âm). NHTM sẽ có khả năng rủi ro khi duy trì trạng thái ngoại tệ mở và tỷ giá trên thị trường biến động. Nói cách khác, nếu NHTM duy trì trạng thái ngoại tệ trường sẽ gặp rủi ro hối đoái nếu như tỷ giá ngoại tệ trong tương lai giảm giá; và ngược lại, NH sẽ gặp rủi ro khi ngoại tệ tăng giá trong trường hợp NHTM đó duy trì trạng thái ngoại tệ đoán. Để kiểm soát và giới hạn rủi ro cho NHTM, Quyết định số 1081/2002/QĐ-NHNN ban hành ngày 7/10/2002 và Quyết định 1168/2003/QĐ-NHNN ban hành ngày 2/10/2003 quy định giới hạn trạng thái ngoại tệ đối với các NHTM Việt Nam, ngân hàng liên doanh và công ty tài chính. Theo đó, các ngân hàng phải thực hiện tổng trạng thái ngoại tệ dương hoặc âm cuối ngày không được vượt quá 30% vốn tự có của mình.

Trên nền tảng các cơ sở pháp lý trên, các NHTM Việt Nam đã triển khai hoạt động kinh doanh tiền tệ và thực hiện các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ đạt một số kết quả nhất định với những mức độ khác nhau.

Thứ hai, các NHTM Việt Nam đã triển khai thực hiện



kinh doanh ngoại tệ và đã có lợi nhuận

Phần lớn các NHTM Việt Nam đã triển khai hoạt động thanh toán quốc tế đi kèm với hoạt động mua bán ngoại tệ phục vụ khách hàng xuất nhập khẩu, cá nhân, chủ yếu là nghiệp vụ giao ngay và đã có thu nhập thuần từ mua, bán ngoại tệ.

Bảng 1. Tỷ trọng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh ngoại hối trên tổng lợi nhuận tại một số NHTM Việt Nam

Đơn vị tính: %

Ngân hàng	2007	2008	2009	2010
VCB	11,11	31,61	18,35	10,25
BIDV	6,89	33,64	5,79	3,20
Eximbank	22,14	65,42	8,83	0,66
Sacombank	6,37	45,95	14,44	7,00

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo thường niên của NHTM ()*

Thứ ba, một số NHTM Việt Nam đã triển khai thực hiện các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ và có sự tăng trưởng về doanh số thực hiện qua các năm

Song song với thực hiện kinh doanh tiền tệ phục vụ đáp ứng

nhu cầu mua, bán ngoại tệ với khách hàng, một số NHTM Việt Nam đã thực hiện kinh doanh ngoại tệ tự doanh (VCB, Eximbank, BIDV, ACB, Nam Á, Techcombank, Agribank, Quân đội, Sacombank...) và triển khai các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ như giao dịch kỳ hạn, hoán đổi, quyền chọn.

Để thực hiện hoạt động mua bán ngoại tệ, triển khai các công cụ phái sinh các NHTM đã cơ cấu tổ chức phòng kinh doanh tiền tệ và đầu tư hệ thống máy móc thiết bị và công nghệ hiện đại như hệ thống Reuters Dealing, Reuters Extra, Reuters Eikon, hệ thống SWIFT, hệ thống Corebanking, máy Fax, máy Scan, máy điện thoại ghi âm tạo thuận lợi cho các giao dịch viên (Dealer) giao dịch tức thời nhưng vẫn đảm bảo tính chất pháp lý của giao dịch.

Bên cạnh đó, để kiểm soát

và ngăn ngừa, hạn chế rủi ro, các NHTM cũng đã xây dựng các hệ thống hạn mức như hạn mức/một giao dịch, hạn mức lỗi/một giao dịch, trạng thái mở trong ngày, trạng thái mở qua đêm đối với từng chức danh và báo cáo trạng thái ngoại tệ theo quy định của NHNN.

Thứ tư, một số NHTM Việt Nam đã triển khai kết hợp công cụ tài chính phái sinh có sự kết hợp với các sản phẩm, dịch vụ khác như cho vay, bảo hiểm tỷ giá, lãi suất tạo tiện ích cho khách hàng, đã được các khách hàng (DN) tham gia tích cực

Một số NHTM đã nghiên cứu đưa ra các sản phẩm phái sinh kết hợp nhiều tiện ích đã thu hút được DN Việt Nam sử dụng, thích hợp với điều kiện lạm phát và tỷ giá biến động thường xuyên, điển hình như một số sản phẩm phái sinh do Eximbank triển khai như:

- Sản phẩm cho vay bằng VND theo lãi suất ngoại tệ, với sản phẩm này khách hàng được ngân hàng cho vay bằng VND với lãi suất ngoại tệ (số

Bảng 2. Các nghiệp vụ phái sinh đang áp dụng tại các NHTM Việt Nam

Ngân hàng	Kỳ hạn		Quyền chọn			Hoán đổi		
	Ngoại tệ	Vàng	Tương lai	Ngoại tệ	VND	Vàng	Tiền tệ	Lãi suất
SCB	x						x	
BIDV	x		x	x	x		x	
VCB	x		x	x	x		x	x
VIB	x		x	x	x		x	
ACB	x	x		x	x			
Techcombank	x		x		x			x
MB	x				x		x	x
Eximbank	x	x		x	x	x	x	
Vietinbank	x			x		x	x	
Agribank	x			x		x		

Nguồn: Báo cáo thường niên các NHTM Việt Nam



Bảng 3. Doanh số thực hiện hợp đồng phái sinh tại một số NHTM Việt Nam

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngân hàng	Hợp đồng phái sinh	2008	2009	2010	2011
1	Vietcombank	Kỳ hạn tiền tệ	1.999.232	-	145.704	1.564.226
		Hoán đổi tiền tệ	-	3.670.400	785.568	2.678.869
		Tổng cộng	1.999.232	3.670.400	931.272	4.243.095
2	Vietinbank	Kỳ hạn tiền tệ	15.354	75.228	2.184	650
		Hoán đổi tiền tệ	71.456	-	17.058	19.586
		Tổng cộng	86.810	75.228	19.242	20.236
3	Techcombank	Kỳ hạn tiền tệ	29.907	4.499.307	2.868.925	4.309.048
		Hoán đổi tiền tệ	-	1.365.016	2.919.076	978.992
		Hợp đồng tương lai	-	149.826	-	-
		Tổng cộng	29.907	6.014.149	5.788.001	5.288.040
4	ACB	Kỳ hạn tiền tệ	7.421.107	1.600.673	22.577.199	53.445.556
		Hoán đổi tiền tệ	1.740.102	1.341.775	2.913.464	1.631.731
		Quyền chọn	132.340	954.783	33.399.926	101.386.315
		Hoán đổi lãi suất	-	1.877.790	33.399.926	101.386.315
		Tương lai	-	3.170.454	-	-
		Tổng cộng	9.293.549	8.945.475	62.741.556	157.414.924
5	Sacombank	Kỳ hạn tiền tệ	561.096	737.900	225.951	259.736
		Hoán đổi tiền tệ	2.451.322	9.929.204	2.510.386	9.073.127
		Hoán đổi lãi suất	5.195	-	-	-
		Tổng cộng	3.017.613	10.667.104	2.736.337	9.332.863

Nguồn: Báo cáo thường niên các NHTM Việt Nam

tiền cho vay này sẽ được xác định trước bằng một giá trị ngoại tệ khi ký kết hợp đồng tín dụng và giải ngân), khi thực hiện hợp đồng tín dụng, khách hàng trả nợ vay, lãi vay bằng VND theo tỷ giá ngoại tệ vào ngày trả nợ. Tham gia sản phẩm này khách hàng sẽ có lợi khi trả nợ, tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá lúc ký kết hợp đồng tín dụng.

- Sản phẩm cho vay bằng VND theo lãi suất ngoại tệ có bảo hiểm tỷ giá: Sản phẩm này giống như sản phẩm trên nhưng ngân hàng có thực hiện bảo hiểm tỷ giá cho DN, cụ thể khi tỷ giá ngoại tệ tăng trên 2% hoặc 3% so với tỷ giá tại thời điểm giải ngân thì khách hàng chỉ phải thanh toán cho ngân

hàng số tiền VND tương ứng với mức tăng tỷ giá 2%- 3%, phần vượt ngân hàng chịu. Với sản phẩm này, khách hàng có thể tính toán được trước mức tối đa mà khách hàng phải thanh toán do tỷ giá tăng.

2. Hạn chế và nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại NHTM Việt Nam

Bên cạnh một số kết quả nhất định và nổi bật thì sau hơn 10 năm quy định và triển khai các công cụ tài chính phái

sinh tiền tệ vẫn còn không ít những trở ngại, bất cập, cản trở sự phát triển các công cụ này tại Việt Nam. Một số hạn chế về sự phát triển các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại NHTM Việt Nam trong thời gian qua như:

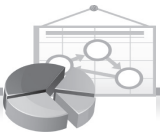
- Các giao dịch mua bán

Bảng 4. Tỷ trọng giao dịch phái sinh tiền tệ trong tổng giao dịch thị trường tiền tệ tại Việt Nam

Đơn vị tính: %

Năm	Tỷ trọng giao dịch ngoại tệ giao ngay	Tỷ trọng giao dịch phái sinh ngoại tệ
2007	92,9	7,1
2008	92,6	7,4
2009	91,8	8,2
2010	92,5	7,5
2011	90,5	9,5

Nguồn: Báo cáo của NHNN Việt Nam và tính toán của tác giả (*)



ngoại tệ tại NHTM Việt Nam chủ yếu là giao dịch giao ngay.

- Số lượng NHTM Việt Nam triển khai công cụ tài chính phái sinh tiền tệ còn quá ít dẫn đến doanh số thực hiện công cụ tài chính phái sinh tiền tệ chiếm tỷ trọng thấp, chưa đến 10%.

- Các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ đã triển khai tại một số NHTM Việt Nam chưa phong phú, chưa đa dạng, chưa tạo nhiều tiện ích nên chưa hấp dẫn đối với khách hàng, vì vậy số lượng khách hàng tham gia còn khá khiêm tốn.

- Hoạt động mua bán ngoại tệ nói chung và thực hiện công cụ tài chính phái sinh chủ yếu tập trung tại hội sở chính của từng hệ thống NHTM Việt Nam và một số chi nhánh lớn của NH.

- Phần lớn các NHTM chưa thật sự quan tâm và đầu tư đúng mức để triển khai có hiệu quả các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ.

- Phần lớn các NHTM chưa chuẩn bị nguồn lực, hệ thống công nghệ để triển khai công cụ tài chính phái sinh tiền tệ.

- Một số NHTM triển khai công cụ tài chính phái sinh tiền tệ thiếu sự kiểm soát dẫn đến tổn thất lớn cho NH. Điển hình là sự kiện kinh doanh ngoại tệ tại một NHTM Việt Nam theo kết quả của Thanh tra NHNN, đến ngày 31/12/2004 kinh doanh ngoại tệ lỗ của NH này lên tới 499,8 tỷ đồng, riêng quý 4/2004 chiếm 98,9% số lỗ nói trên (447,6 tỷ đồng). Trong số này, hoạt động kinh doanh đồng EUR và USD lỗ tới 28,3

triệu USD. Đặc biệt, liên tiếp trong những ngày cuối năm 2004, có 10 giao dịch mua ngoại tệ lên tới 30 triệu EUR/giao dịch. Rủi ro chủ yếu từ rủi ro hoạt động, trong đó lỗi chủ yếu xuất phát từ các giao dịch không phải do cán bộ phòng kinh doanh ngoại tệ thực hiện mà do lãnh đạo không trực tiếp kinh doanh hoặc chỉ đạo cho nhân viên giao dịch thực hiện, giao dịch vượt quá hạn mức quy định. Các báo cáo trạng thái ngoại tệ của NH này gửi về NHNN cũng không phản ánh chính xác thực tế trạng thái của NH.

- Các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tiền tệ và công cụ tài chính phái sinh chậm thay đổi, chưa tương thích với thay đổi của thị trường. Chẳng hạn như Quyết định số 1820/NHNN-QLNH ban hành ngày 18/3/2009 trong đó quyền chọn chỉ được thực hiện giữa ngoại tệ và ngoại tệ, không được thực hiện quyền chọn giữa ngoại tệ và VND, chưa có quy định rõ ràng về kế toán đối với DN về phí quyền chọn sẽ được ghi nhận như một khoản chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập DN, quy định về tỷ giá của NHNN vẫn còn tạo sự chênh lệch giữa tỷ giá niêm yết và tỷ giá trên thị trường.

3. Biện pháp góp phần thúc đẩy sự phát triển các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại các NHTM Việt Nam

Những kết quả và hạn chế nêu trên tuy chưa thể phản ánh hết được toàn cảnh “bức tranh”

Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại Việt Nam có nhiều cơ sở để khẳng định về khả năng phát triển trong tương lai vì những ưu điểm vốn có, tuy nhiên để thúc đẩy tiến trình phát triển theo chiều rộng và chiều sâu, tạo nhiều lợi ích cho các chủ thể tham gia trong giới hạn rủi ro đòi hỏi sự nỗ lực của các nhân tố vĩ mô và vi mô.

về hoạt động kinh doanh tiền tệ và sự phát triển của công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại các NHTM Việt Nam. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi đề xuất một số biện pháp góp phần thúc đẩy sự phát triển các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại các NHTM Việt Nam.

*** Về phía NHTM**

- Đối với NHTM đã triển khai thực hiện công cụ tài chính phái sinh tiền tệ cần phát triển hơn nữa về chiều rộng và chiều sâu các công cụ này bằng cách chuẩn bị các điều kiện để không chỉ hội sở mà các chi nhánh NH có thể thực hiện các giao dịch này với khách hàng.

- NHTM cần tăng cường hội thảo, tư vấn khách hàng theo chuyên đề về những lợi ích mang lại của công cụ tài chính phái sinh tiền tệ để mở rộng khách hàng áp dụng. NHTM cần tư vấn cho DN phân tích,



đánh giá nhiều yếu tố để có quyết định về mặt tài chính thông qua các sản phẩm phái sinh vì việc lựa chọn các sản phẩm phái sinh một mặt mang lại lợi ích cho DN, nhưng DN cần phải hiểu biết về sản phẩm và có biện pháp bảo hiểm rủi ro đi kèm.

- NHTM cần nghiên cứu các sản phẩm, công cụ tài chính phái sinh tiền tệ của các NH trên thế giới, của chi nhánh NH nước ngoài tại Việt Nam và các NHTM có thể mạnh về hoạt động này (VCB, Eximbank...) để áp dụng phù hợp đối với NHTM mới triển khai công cụ này.

- Tăng cường hoạt động phân tích, dự báo, giám sát rủi ro thông qua hệ thống hạn mức để giới hạn mức lỗ, ghi nhận kế toán, hạn chế tổn thất cho NH do thực hiện các giao dịch phái sinh.

- Đối với NHTM chưa thực hiện công cụ tài chính phái sinh, cần chuẩn bị nguồn lực, cơ cấu tổ chức, nghiên cứu kinh nghiệm của các NH khác để khi đủ điều kiện có thể triển khai có lộ trình từ thí điểm đến mở rộng, góp phần đáp ứng nhu cầu khách hàng, đa dạng hoá nghiệp vụ và nâng cao thu nhập NH.

*** Về phía Hiệp hội NH và NHNN, Bộ Tài chính**

- Hiệp hội NH cần kết hợp với các cơ sở đào tạo (học viện, đại học...) làm cầu nối tổ chức các hội thảo, đào tạo chuyên đề giữa NH và DN để phát triển các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ từ sự hiểu biết, từ lợi ích

mang lại để tạo sự quan tâm áp dụng các công cụ này.

- Hiệp hội NH cần là cầu nối tiếp nhận, tập hợp các ý kiến, kiến nghị từ NHTM và DN liên quan đến công cụ tài chính phái sinh tiền tệ để tư vấn với các cơ quan quản lý sửa đổi quy định phù hợp, góp phần tạo điều kiện áp dụng công cụ tài chính phái sinh tiền tệ hiệu quả.

- Tạp chí chuyên ngành nên có phần dành riêng giới thiệu các sản phẩm mới, các sản phẩm phái sinh tiền tệ đã được triển khai, phát hành giới thiệu đến các NH, DN để thu hút sự quan tâm của các chủ thể này.

- NHNN cần đánh giá sản phẩm phái sinh trên cả hai mặt tích cực và hạn chế, xem xét mở rộng phạm vi thực hiện các công cụ phái sinh, đồng thời có giải pháp hạn chế những nhược điểm của sản phẩm này. NHNN cần nghiên cứu, sửa đổi các quy định liên quan đến kinh doanh tiền tệ, công cụ tài chính phái sinh tiền tệ theo xu hướng hội nhập quốc tế phù hợp điều kiện môi trường Việt Nam trong từng thời kỳ.

- NHNN cần tăng cường giám sát rủi ro từ xa qua hệ thống thông tin báo cáo của các NHTM và kiểm tra tại chỗ để kịp thời phát hiện, ngăn chặn rủi ro kinh doanh tiền tệ, đảm bảo an toàn hệ thống NHTM Việt Nam.

- Bộ Tài chính cần nghiên cứu ban hành chuẩn mực liên quan đến công cụ tài chính phái sinh và ghi nhận về kế toán thuế liên quan đến công

cụ này đối với DN.

Tài liệu tham khảo

4. Các Quyết định đề cập trong bài viết
5. Báo cáo thường niên các NHTM Việt Nam.
6. Website NHNN và NHTM Việt Nam.
7. Lê Thị Anh Đào, Luận án Tiến sỹ kinh tế “Phát triển thị trường ngoại hối tại Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế và khu vực”.

tiếp theo trang 27

tu xã hội, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, xúc tiến hội nhập quốc tế, khắc phục hạn chế, yếu kém của nền kinh tế. Đây là giải pháp mang tính tổng thể, không chỉ có tác dụng kiềm chế lạm phát nói riêng mà còn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nói chung.

Hai là, đổi mới cơ chế quản lý ngân sách theo hướng hội nhập. Đưa mức bội chi Ngân sách Nhà nước xuống dưới 5% hàng năm. Thực hiện minh bạch, công khai, công bằng trong phân phối ngân sách vì nguồn thu của nó là sự đóng góp công sức của mọi người dân thông qua thuế. Xóa bỏ hoàn toàn tính bao cấp và cơ chế xin- cho vẫn đang còn tồn tại. Tiết kiệm hơn nữa các khoản chi thường xuyên (công vụ phí, hội họp...) ít mang lại hiệu quả thiết thực. Cần nhắc tái cơ cấu chi đầu tư công hướng đến hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại theo mục tiêu công nghiệp hóa và hiện đại

xem tiếp trang 41